

KẾ HOẠCH
Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo xã Tân Minh
5 năm giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Kế hoạch số 385/KH-UBND ngày 30/9/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố Hải Phòng 5 năm giai đoạn 2026 - 2030; Ủy ban nhân dân xã Tân Minh ban hành Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN&ĐMST) xã Tân Minh 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai Kế hoạch KH, CN&ĐMST 5 năm trên địa bàn xã theo các văn bản hướng dẫn và Kế hoạch số 385/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố.
- Cụ thể hóa chủ trương, chiến lược, nghị quyết của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước về phát triển KH, CN&ĐMST gắn với đặc thù của xã; xác định mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm phù hợp với điều kiện thực tế.
- Là căn cứ xây dựng kế hoạch KH, CN&ĐMST hằng năm, tổ chức triển khai và đánh giá các nhiệm vụ, mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.

2. Yêu cầu

- Triển khai kịp thời, thống nhất, hiệu quả, tránh trùng lặp; có lộ trình; có báo cáo kết quả thường xuyên làm cơ sở đánh giá.
- Xác định rõ nội dung công việc, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, các thôn; tăng cường phối hợp, tránh chồng chéo, lãng phí nguồn lực.
- Kết quả triển khai được đánh giá theo quy định, làm rõ số lượng, chất lượng và hiệu quả; đề xuất điều chỉnh (nếu cần) và làm căn cứ triển khai các nhiệm vụ khác có liên quan.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

- Giai đoạn 2021 - 2025, hoạt động KH, CN&ĐMST trên địa bàn xã có bước chuyển biến, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cùng với thành phố, xã bước đầu tiếp cận các cơ chế, chính sách mới về KH,

CN&ĐMST; nguồn lực đầu tư cho ứng dụng khoa học, công nghệ có chuyển biến. Kết quả chính: Số mô hình, nhiệm vụ KH&CN được triển khai trên địa bàn: 03 mô hình ứng dụng công nghệ số AI (trợ lý ảo, ứng dụng AI kiểm tra văn bản, Zalo Mini App); kết quả chuyển đổi số xã, thôn: 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính, cấp chữ ký số cá nhân và chứng thư số chuyên dùng; 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan được thực hiện trên môi trường điện tử có ký số; Hệ thống thông tin UBND xã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin (Quyết định số 3548/QĐ-CAHP-ANM ngày 31/3/2026 của Công an thành phố); kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 tại các thôn.

- Tuy nhiên, hoạt động KH, CN&ĐMST của xã còn bộc lộ một số hạn chế: Tham mưu, đề xuất, triển khai nhiệm vụ KH&CN ở xã còn chưa đồng đều; việc đặt hàng nhiệm vụ KH&CN xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của địa phương còn hạn chế.

- Từ thực tiễn giai đoạn 2021 - 2025, có thể rút ra các bài học: Tổ chức thực thi là khâu then chốt, cần quản trị rõ ràng, giám sát bằng dữ liệu; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nhân lực số và nhân lực ứng dụng công nghệ ở cơ sở.

- Kế hoạch KH, CN&ĐMST 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 là căn cứ quan trọng để xã triển khai công tác KH&CN hằng năm và trong 05 năm tới; là công cụ triển khai Chiến lược phát triển KH, CN&ĐMST đến năm 2030.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2030, KH, CN&ĐMST trở thành động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của xã; tập trung ứng dụng công nghệ số, công nghệ xanh trong sản xuất nông nghiệp, quản lý nhà nước và phục vụ người dân; hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo ở cơ sở, lấy hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh làm trung tâm, gắn nghiên cứu với ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Số nhiệm vụ, mô hình KH, CN&ĐMST được triển khai trên địa bàn xã mỗi năm đạt tối thiểu 02 nhiệm vụ, mô hình.

- Tỷ lệ kết quả nhiệm vụ KH&CN, mô hình thử nghiệm đủ điều kiện được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu đạt tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn có hoạt động đổi mới sáng tạo phân đầu đạt mức chung của thành phố (trên 40%).

- Tham gia đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, KH&CN cho cán bộ, công chức, người lao động, hợp tác xã, doanh nghiệp, Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách và đổi mới cơ chế tài chính

a) Hoàn thiện thể chế, chính sách:

- Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các văn bản hướng dẫn thi hành và các cơ chế, chính sách của Trung ương, thành phố.

- Hằng năm tổ chức ít nhất 01 lớp tập huấn, phổ biến về cơ chế hỗ trợ nghiên cứu, tiếp nhận và làm chủ công nghệ, đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ, khởi nghiệp sáng tạo cho hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh.

- Rà soát, đề xuất cơ chế hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, đo lường, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

b) Đổi mới cơ chế tài chính khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Tập trung ưu tiên nguồn ngân sách cho các nhiệm vụ, mô hình có địa chỉ ứng dụng, khả năng lan tỏa; thực hiện cơ chế đặt hàng, khoán chi theo sản phẩm, quản lý theo kết quả; gắn quyền tự chủ với trách nhiệm giải trình.

- Huy động nguồn lực từ hợp tác xã, doanh nghiệp, người dân, nguồn tài trợ và các nguồn hợp pháp khác; khuyến khích hợp tác công tư và liên kết doanh nghiệp.

- Thực hiện các định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định đối với các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tùy thuộc vào mức độ cải tiến hoặc tạo mới sản phẩm, mô hình kinh doanh.

- Nguồn xã hội hóa: Định hướng vào hoạt động ứng dụng, đổi mới công nghệ (mua sắm công nghệ, máy móc thiết bị, phần mềm quản lý), hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng tài sản trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường trong hợp tác xã, doanh nghiệp.

c) Triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát:

- Phối hợp với các sở, ngành thành phố triển khai thử nghiệm có kiểm soát các công nghệ, sản phẩm, mô hình mới phù hợp với lợi thế và bài toán thực tiễn của xã, nhất là nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI), chuyển đổi số.

- Chủ động đề xuất địa điểm, điều kiện để thành phố thử nghiệm ứng dụng thiết bị bay không người lái (drone) trong quản lý đồng ruộng, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

2. Phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Phát triển nhân lực KH, CN&ĐMST theo nhu cầu của xã, tập trung nhân lực số, nhân lực ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp, quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh.

- Triển khai các chính sách phát triển, thu hút và trọng dụng nhân lực KH, CN&ĐMST theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố. Phối hợp thực hiện Kế

hoạch hành động số 86/KH-UBND ngày 17/3/2026 của thành phố về phát triển đội ngũ trí thức.

- Khuyến khích hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia xác định nhu cầu kỹ năng, tổ chức đào tạo theo đặt hàng; tăng cường chương trình thực hành, thực tập, trải nghiệm tại cơ sở sản xuất.

- Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hằng năm cho cán bộ cấp xã, hợp tác xã, doanh nghiệp về kiến thức, kỹ năng số, đo lường, năng suất, chất lượng; cử cán bộ tham gia các khóa bồi dưỡng của thành phố.

b) Phát triển tổ chức khoa học và công nghệ:

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức KH&CN của thành phố triển khai nhiệm vụ, mô hình ứng dụng trên địa bàn xã.

- Tham gia mạng lưới thông tin KH&CN của thành phố; kết nối, chia sẻ nguồn lực, kết quả nghiên cứu, ứng dụng với các tổ chức, cá nhân.

c) Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Kết nối, cập nhật và khai thác hiệu quả Hệ thống thông tin quốc gia về KH, CN&ĐMST; cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu về hoạt động KH, CN&ĐMST thuộc phạm vi của xã theo quy định.

- Phát triển hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số xã, thôn (hệ thống camera an ninh, thôn số, nền tảng dữ liệu dùng chung).

d) Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp:

- Hằng năm khảo sát nhu cầu, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn triển khai nội dung về bảo đảm đo lường, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng gắn với đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu.

- Hỗ trợ xây dựng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm, hàng hóa của xã; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng mã số, mã vạch có hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Hằng năm tổ chức hội nghị, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin, nền tảng số nhằm phổ biến chính sách, giới thiệu mô hình điển hình, quảng bá sản phẩm.

3. Thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường khoa học và công nghệ

a) Thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn với phát triển doanh nghiệp khoa học, công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

- Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của xã theo hướng mở, lấy hợp tác xã, doanh nghiệp làm trung tâm; liên kết chặt chẽ giữa chính quyền, doanh nghiệp, tổ chức KH&CN, cơ sở giáo dục, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

- Tập trung thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực ưu tiên phù hợp với xã: nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh.

- Thúc đẩy các hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; hỗ trợ chuyển đổi xanh cho hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn.

b) Phát triển thị trường khoa học công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu:

- Phối hợp lựa chọn, hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, sản phẩm có tiềm năng ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa gắn với nhu cầu của địa phương.

- Hàng năm tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tối thiểu 01 lớp tập huấn, phổ biến, nâng cao nhận thức và năng lực về sở hữu trí tuệ.

c) Phát triển tài sản trí tuệ, khai thác và thương mại hóa kết quả nghiên cứu:

- Tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, hợp tác xã, doanh nghiệp, cá nhân hình thành, xác lập quyền sở hữu trí tuệ; khuyến khích đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể.

- Triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã.

- Thúc đẩy khai thác và thương mại hóa kết quả nghiên cứu có tiềm năng; hỗ trợ xây dựng phương án quản trị, khai thác, chuyển giao sản phẩm, dịch vụ trên cơ sở kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ.

4. Tập trung phát triển công nghệ chiến lược và giải quyết các bài toán lớn của xã

a) Lựa chọn và ứng dụng công nghệ chiến lược:

- Phối hợp triển khai các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược do thành phố chủ trì; ưu tiên ứng dụng các công nghệ phù hợp với điều kiện của xã: công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, công nghệ sinh học trong nông nghiệp, công nghệ năng lượng, công nghệ gắn với chuyển đổi xanh.

- Tham gia Chương trình KH&CN biên của thành phố (nếu có nội dung phù hợp với địa bàn); phối hợp hàng năm làm việc trực tiếp với doanh nghiệp, hợp tác xã lớn trên địa bàn để đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN giải quyết bài toán thực tiễn.

b) Xác định và giải quyết các bài toán lớn của xã:

- Hàng năm, căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu thực tiễn và đề xuất của các phòng chuyên môn, các cơ quan, đơn vị, các thôn, hợp tác xã, doanh nghiệp, rà soát, lựa chọn và đề xuất danh mục các bài toán cần ưu tiên giải quyết bằng KH, CN&ĐMST. Mỗi bài toán xác định rõ vấn đề, mục tiêu, yêu cầu đối với giải pháp, sản phẩm, đơn vị có nhu cầu và địa chỉ ứng dụng.

- Hàng năm đề xuất đặt hàng tối thiểu 01 nhiệm vụ, mô hình KH, CN&ĐMST, ưu tiên thử nghiệm công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và mô hình mới gắn với lợi thế của xã, như nông nghiệp công nghệ xanh (tiết kiệm nước, phân bón, thức ăn; giảm phát thải), chuyển đổi số, tự động hóa.

c) Tập trung nguồn lực và đánh giá tác động:

- Tập trung nguồn lực của xã và huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho các công nghệ; khuyến khích hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia ngay từ khâu xác định nhu cầu và thực hiện.

- Định kỳ đánh giá mức độ đạt mục tiêu, khả năng ứng dụng, giá trị kinh tế - xã hội, khả năng nhân rộng, làm căn cứ điều chỉnh danh mục ưu tiên và phân bổ nguồn lực những năm tiếp theo.

5. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Tăng cường liên kết, hợp tác trong nước:

- Triển khai hiệu quả Chương trình đẩy mạnh hợp tác trong nước về KH, CN&ĐMST và chuyển đổi số thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 tại xã.

- Chủ động đề xuất và tham gia các nhiệm vụ, chương trình KH, CN&ĐMST có nội dung phù hợp với nhu cầu của xã để tranh thủ nguồn lực của thành phố và Trung ương.

b) Mở rộng hợp tác quốc tế có trọng tâm, trọng điểm:

- Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về KH, CN&ĐMST do thành phố tổ chức; cử cán bộ tham gia các đoàn khảo sát, học tập, làm việc khi được thành phố phân bổ.

c) Thu hút chuyên gia, tổ chức R&D và nguồn lực KH, CN&ĐMST từ bên ngoài:

- Phối hợp thu hút chuyên gia, nhà khoa học tham gia tư vấn, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật cho các mô hình sản xuất, mô hình chuyển đổi số tại xã.

d) Huy động nguồn lực hợp tác phục vụ các ưu tiên chiến lược:

- Chủ động đề xuất và tham gia các nhiệm vụ, chương trình hỗ trợ kỹ thuật phù hợp với lợi thế, nhu cầu của xã; tăng cường huy động nguồn lực của Trung ương, thành phố, tổ chức, doanh nghiệp và các đối tác cho nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Đổi mới công tác quản lý nhà nước:

- Xây dựng, cập nhật và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về KH, CN&ĐMST của xã; kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu của thành phố theo quy định. Phấn đấu 100% nhiệm vụ, mô hình KH, CN&ĐMST sử dụng ngân sách nhà nước được cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin trên nền tảng quản lý số.

- Công khai phù hợp thông tin về chương trình, nhiệm vụ và kết quả KH, CN&ĐMST; tăng cường khả năng tra cứu, kết nối, khai thác dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, hợp tác xã, doanh nghiệp.

- Phân loại rõ nhiệm vụ nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, thương mại hóa; tăng cường quản lý theo mốc kết quả; kịp thời điều chỉnh, dừng hoặc chuyển hướng các nhiệm vụ không còn phù hợp, hiệu quả thấp.

b) Nâng cao chất lượng quản lý chương trình, nhiệm vụ và đánh giá sau nghiệm thu:

- Đổi mới quy trình quản lý nhiệm vụ gắn với địa chỉ ứng dụng: Các nhiệm vụ, mô hình do xã đề xuất phải có đơn vị tiếp nhận kết quả (hợp tác xã, doanh nghiệp, thôn, hộ sản xuất) cam kết ứng dụng trước khi triển khai.

- Thiết lập quy trình hậu kiểm định kỳ 06 - 12 tháng sau nghiệm thu; đo lường hiệu quả bằng chỉ số định lượng cụ thể (năng suất, sản lượng, tỷ lệ giảm chi phí, số hộ áp dụng) hoặc số cơ chế, chính sách, văn bản được ban hành, áp dụng.

- Ưu tiên nhân rộng các mô hình hiệu quả; thực hiện chính sách “Nhà nước là khách hàng đầu tiên” đối với sản phẩm, công nghệ mới từ kết quả nghiên cứu theo quy định.

c) Phân cấp, cải cách thủ tục hành chính và nâng cao trách nhiệm giải trình:

- Đơn giản hóa, số hóa quy trình, thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Chuẩn hóa quy trình quản lý, biểu mẫu và yêu cầu hồ sơ theo hướng rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, giảm khâu trung gian; thiết lập cơ chế theo dõi, giám sát và đánh giá định kỳ việc thực hiện kế hoạch trên cơ sở kết quả đầu ra và tác động.

7. Các giải pháp đột phá

a) Đột phá về phương thức đặt hàng và quản trị nhiệm vụ theo bài toán, sản phẩm, kết quả và tác động:

- Chuyển mạnh từ cách tiếp cận xác định nhiệm vụ theo đề xuất của tổ chức KH&CN sang đặt hàng từ bài toán phát triển và nhu cầu công nghệ của địa phương, hợp tác xã, doanh nghiệp; đưa đơn vị thụ hưởng tham gia từ khâu đặt hàng đến khâu tiếp nhận kết quả.

b) Đột phá về cơ chế tài chính theo hướng Nhà nước dẫn dắt và huy động nguồn lực xã hội:

- Sử dụng ngân sách như công cụ dẫn dắt và kích hoạt đầu tư xã hội, gắn mức hỗ trợ với mục tiêu, kết quả và khả năng huy động các nguồn lực hợp pháp khác; tăng tính linh hoạt trong sử dụng nguồn lực đi đôi với trách nhiệm giải trình.

c) Đột phá về hạ tầng dùng chung, môi trường thử nghiệm và rút ngắn quá trình từ nghiên cứu đến ứng dụng:

- Khai thác mạng lưới hạ tầng dùng chung của thành phố; phát triển các mô hình trình diễn, thử nghiệm (mô hình điểm) tại xã để rút ngắn thời gian từ nghiên cứu, thử nghiệm đến ứng dụng thực tế, ưu tiên nông nghiệp công nghệ xanh, chuyển đổi số.

d) Đột phá về phát triển và sử dụng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Chuyển từ phát triển nhân lực theo chương trình đào tạo sang phát triển, thu hút và sử dụng nhân lực theo nhu cầu công nghệ, bài toán và dự án cụ thể của xã; tăng cường đào tạo theo đặt hàng, hình thành đội ngũ nòng cốt về công nghệ số ở cơ sở (Tổ công nghệ số cộng đồng).

đ) Đột phá về một số giải pháp ứng dụng công nghệ số:

- Đẩy mạnh chuyển đổi số cấp xã, thôn: xây dựng thôn số, ứng dụng nền tảng số trong quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm an ninh trật tự (hệ thống camera an ninh) và kết nối dữ liệu với thành phố.

- Ứng dụng AI, dữ liệu số trong sản xuất nông nghiệp, quản lý vùng nuôi trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc thù của xã; từng bước hình thành các mô hình nông nghiệp thông minh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH, CN&ĐMST được bảo đảm từ các nguồn: Ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp khoa học và công nghệ); vốn huy động hợp pháp từ các quỹ đầu tư, nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân.

- Tuân thủ quy định pháp luật: Việc lập dự toán, quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Là cơ quan đầu mối tham mưu, điều phối tổ chức thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc các phòng chuyên môn, các cơ quan, đơn vị, các thôn triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch.

- Rà soát, lựa chọn, đề xuất các bài toán, nhiệm vụ KH, CN&ĐMST và nhu cầu đổi mới công nghệ của địa phương bảo đảm không trùng lặp, dàn trải với các chương trình, đề án đã được phê duyệt.

- Tổ chức theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch theo mục tiêu, kết quả và tác động; định kỳ rà soát tiến độ; kịp thời tham mưu điều chỉnh mục tiêu, danh mục nhiệm vụ, cơ chế phối hợp và phân bổ nguồn lực.

- Tổng hợp, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân xã và Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch; đề xuất xử lý khó khăn, vướng mắc; tham mưu nhân rộng các mô hình, nhiệm vụ có hiệu quả.

2. Phòng Kinh tế

- Trên cơ sở đề xuất của Phòng Văn hóa - Xã hội và các đơn vị liên quan, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH, CN&ĐMST và

chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp khả năng cân đối ngân sách và lộ trình thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch.

- Chủ trì tham mưu triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ xanh, phát triển sản phẩm OCOP, truy xuất nguồn gốc theo chức năng.

3. Các phòng, cơ quan, đơn vị và các thôn

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý và các chỉ tiêu được giao, chủ động xác định nhu cầu, vấn đề thực tiễn; cung cấp thông tin, dữ liệu làm cơ sở để Phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp, tham mưu.

- Chịu trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện, tiếp nhận, ứng dụng kết quả đối với các nhiệm vụ, mô hình thuộc lĩnh vực mình quản lý; xác định rõ đơn vị tiếp nhận và điều kiện triển khai; phối hợp đánh giá hiệu quả, khả năng nhân rộng và tác động sau ứng dụng.

- Chủ động lồng ghép nội dung KH, CN&ĐMST vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, bảo đảm không trùng lặp, không dàn trải; chủ động huy động nguồn lực, kết nối hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện chế độ cung cấp thông tin, dữ liệu và báo cáo về tình hình triển khai, kết quả ứng dụng và tác động của các chương trình, nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý.

4. Các trường học, hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn xã

- Chủ động phát huy năng lực đào tạo, ứng dụng và phát triển công nghệ theo chức năng, thế mạnh; gắn hoạt động đào tạo, sản xuất với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Tăng cường liên kết với doanh nghiệp; tham gia giải quyết các bài toán, nhiệm vụ KH, CN&ĐMST của xã phù hợp với năng lực; bảo đảm chất lượng, tiến độ và kết quả đầu ra.

- Chủ động huy động nguồn lực ngoài ngân sách, mở rộng hợp tác để nâng cao năng lực ứng dụng, đào tạo và phát triển công nghệ.

- Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo và cung cấp dữ liệu về hoạt động đào tạo, ứng dụng, chuyển giao kết quả KH, CN&ĐMST thuộc phạm vi quản lý.

VII. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC BẢO ĐẢM TỔ CHỨC THỰC HIỆN HIỆU QUẢ KẾ HOẠCH

1. Đẩy mạnh truyền thông chính sách và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các phòng chuyên môn, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân về vai trò của KH, CN&ĐMST trong phát triển kinh tế - xã hội; đa dạng hóa phương thức truyền thông, phổ biến tri thức; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội; thúc đẩy hình thành và phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội.

2. Gắn kết quả thực hiện Kế hoạch với trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và người đứng đầu; thực hiện cơ chế khen thưởng kịp thời đối với mô hình hiệu quả, đồng thời kiên quyết điều chỉnh hoặc chấm dứt các nhiệm vụ, mô hình không đáp ứng yêu cầu. Tổ chức triển khai đồng bộ Kế hoạch này với các chiến lược, chương trình, đề án về phát triển KH, CN&ĐMST đến năm 2030; bảo đảm không chồng chéo, lãng phí nguồn lực. Tăng cường phối hợp giữa xã với các sở, ngành thành phố trong đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN xuất phát từ bài toán thực tiễn của địa phương, tránh tình trạng nghiên cứu chưa sát với nhu cầu thực tế của người dân.

3. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch trong lựa chọn nhiệm vụ, sử dụng nguồn lực và đánh giá kết quả; chủ động phòng ngừa, xử lý chồng chéo, trùng lặp, dàn trải, lợi ích cục bộ và rủi ro trong quá trình tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân xã đề nghị các phòng chuyên môn, các cơ quan, đơn vị, các thôn tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, các thôn kịp thời phản ánh về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân xã xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN thành phố;
- TT Đảng ủy - HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- MTTQ và các tổ chức CTXH xã;
- Các phòng chuyên môn xã;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Huyền

Phụ lục I

TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 XÃ TÂN MINH
(Kèm theo Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 09/10/2026 của UBND xã Tân Minh)

Số TT	Tiêu chí/Nhóm tiêu chí
1	Giải quyết bài toán lớn của xã phù hợp quy hoạch, chương trình hành động của Đảng bộ, chính quyền xã giai đoạn 2026 - 2030.
2	Có tác động lan tỏa đến tăng trưởng, năng suất, năng lực cạnh tranh, quản trị địa phương, phát triển bền vững và khả năng chống chịu của kinh tế địa phương.
3	Có sản phẩm đầu ra rõ ràng, đo lường được, có địa chỉ ứng dụng, cơ quan tiếp nhận cụ thể trên địa bàn xã, lộ trình triển khai đến năm 2028 và năm 2030.
4	Có hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn tham gia, cùng chủ trì, cùng tài trợ hoặc đối ứng kinh phí; có cơ chế gắn kết giữa nghiên cứu, thử nghiệm, tiêu chuẩn hóa và thị trường.
5	Có khả năng tiếp thu, làm chủ công nghệ gắn với lợi thế đặc thù của xã (nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh, chuyển đổi số...); có đóng góp cho nội địa hóa, thay thế nhập khẩu hoặc tham gia chuỗi giá trị.
6	Có khả năng ứng dụng, thương mại hóa, mở rộng quy mô, tạo thị trường hoặc nâng cao năng lực công nghệ của hợp tác xã, doanh nghiệp và kinh tế địa phương.
7	Có tính liên ngành, liên vùng, có thể sử dụng chung hạ tầng, dữ liệu, nền tảng, hệ thống tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; không đầu tư trùng lặp với hạ tầng của vùng đã có.
8	Có tính khả thi cao về nguồn lực, cơ chế tổ chức thực hiện và quản trị rủi ro; có mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu đánh giá; có số liệu gốc, cơ quan cập nhật và cơ chế kiểm chứng.
9	Không trùng lặp với chương trình, nhiệm vụ, dự án đã có của xã hoặc đã được ngân sách trung ương, thành phố bảo đảm; không vượt quá phạm vi thẩm quyền hoặc giai đoạn 2026 - 2030 nếu chưa được phân kỳ rõ ràng.
10	Ưu tiên đối với chương trình, nhiệm vụ có tác động trực tiếp đến năng suất, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hình thành mô hình điểm, sản phẩm chủ lực gắn với lợi thế đặc thù của xã.

Phụ lục II
KHUNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO XÃ TÂN MINH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 09/10/2026 của UBND xã Tân Minh)

Số TT	Nhóm chương trình, nhiệm vụ	Nội dung trọng tâm
1	Các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phù hợp với địa bàn xã, bám sát định hướng của thành phố	1.1. Nông nghiệp, thủy sản: Nông nghiệp số và trồng trọt thông minh (cảm biến độ ẩm, dinh dưỡng đất, tưới tiêu tự động; bầu đèn dự báo sớm sâu bệnh); mô hình sản xuất nông nghiệp tiết kiệm nước, phân bón, thức ăn (công nghệ xanh); chuyển giao công nghệ bảo quản sau thu hoạch và chế biến phụ phẩm nông nghiệp; chăn nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi theo mô hình kinh tế tuần hoàn; nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ tự động hóa, giám sát; phục tráng giống cây trồng đặc sản; quản lý chuỗi giá trị, mở rộng truy xuất nguồn gốc sản phẩm OCOP; phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, mô hình làng thông minh. 1.2. Công nghệ số và chuyển đổi số: Thôn số, dịch vụ công trực tuyến, hệ thống camera an ninh, dữ liệu dùng chung; an toàn thông tin. 1.3. Môi trường, hạ tầng: Giám sát môi trường bằng cảm biến, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt và chăn nuôi. 1.4. Y tế, giáo dục, văn hóa - xã hội: Y tế số, hồ sơ sức khỏe điện tử; trường học thông minh, học tập suốt đời; văn hóa số, bảo tồn và phát huy giá trị di sản, di tích trên địa bàn; quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; chính sách xã hội, an ninh trật tự trong tình hình mới.
2	Phối hợp triển khai lộ trình đổi mới công nghệ đối với các ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố trên địa bàn (nếu có)	Phối hợp triển khai Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 15/01/2026 của thành phố về lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn đến năm 2035; hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cơ sở nghề truyền thống trên địa bàn xã chuyển đổi công nghệ theo hướng tự động hóa, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải.
3	Phối hợp triển khai các chương trình KH, CN&ĐMST quốc gia, thành phố	Tham gia, phối hợp với các sở, ngành, doanh nghiệp trong triển khai các dự án, chương trình KH, CN&ĐMST của Trung ương, thành phố trên địa bàn xã; thúc đẩy chuyển giao công nghệ từ bên ngoài vào địa phương.

Số TT	Nhóm chương trình, nhiệm vụ	Nội dung trọng tâm
4	Triển khai các chương trình, kế hoạch về tài sản trí tuệ, khởi nghiệp sáng tạo, nâng cao năng suất chất lượng, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường KH&CN do thành phố ban hành	Triển khai tại xã: Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2026 - 2030 (Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 13/02/2026); Kế hoạch nâng cao năng suất, chất lượng giai đoạn 2026 - 2030 (Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 18/12/2025); Kế hoạch triển khai Chiến lược khởi nghiệp quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 (Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 25/5/2026); Chương trình đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế về KH, CN&ĐMST và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 (Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 02/6/2026), trong đó tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và Tổ công nghệ số cộng đồng của xã.
5	Các chương trình, nhiệm vụ KH, CN&ĐMST phục vụ phát triển KH, CN&ĐMST tại địa phương, doanh nghiệp	Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong nông nghiệp công nghệ cao (công nghệ sinh học, nhà màng, chuyển đổi số, tưới thông minh, nuôi trồng thủy sản); bảo vệ môi trường; chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân; quản lý nhà nước; sản xuất, kinh doanh và phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội; giải pháp tăng tỷ lệ tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã trong triển khai nhiệm vụ KH&CN nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh.